

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MTN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MTN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTN VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MTN INVESTMENT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109271576

**3. Ngày thành lập:** 16/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 308, Tầng 3 số 34 BT1 Bắc Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977498889

Fax:

Email: [huyinlacosaigon@gmail.com](mailto:huyinlacosaigon@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                        | 1622(Chính) |
| 2.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                        | 1623        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện       | 1629        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                        | 4663        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                        | 3320        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                          | 4322        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: thi công, lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy | 4329        |
| 9.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                     | 2813        |
| 10. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                              | 3600        |
| 11. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                  | 3700        |
| 12. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                 | 3811        |
| 13. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                      | 2816        |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                 | 7730        |
| 15. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                       | 4764        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy và chữa cháy    | 3319        |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                             | 4652        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6209 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy. | 4659 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa và hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.                                                                                                                                   | 4649 |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5621 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VIẾT HÙNG | Thôn Lâm Trường, Xã Nghĩa Minh, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 375.000    | 3.750.000.000         | 15,000    | 186860512                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 375.000    | 3.750.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VĂN BÁ HIẾU  | Xóm Chong, Xã Nghĩa Yên, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 125.000    | 1.250.000.000         | 5,000     | 187316862                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 125.000    | 1.250.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                         |                           |           |                |        |           |
|---|-------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|-----------|
| 3 | LÊ NGỌC HUY | Thôn Lâm Trường, Xã Nghĩa Minh, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 80,000 | 182345290 |
|   |             |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |             |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |             |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |             |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |           |
|   |             |                                                                         | Tổng số                   | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 80,000 |           |
|   |             |                                                                         |                           |           |                |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ NGỌC HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 182345290

Ngày cấp: 17/04/2013

Nơi cấp: CA Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lâm Trường, Xã Nghĩa Minh, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 208, tầng 2, tòa HH4C Bắc Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội